

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 09/7/2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Tuyết

Ông Phạm Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Như Trung Hậu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Bà Đào Thị Ngọc Thuận - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng P – Sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ông P có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Bà N có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Hồng P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh N. Quá trình chung sống, giữa ông

và bà N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bà N ghen tuông vô cớ, xúc phạm ông và đập phá đồ đạc trong nhà. Vào năm 1993, ông đã làm đơn xin ly hôn nhưng vì con còn nhỏ nên ông tha thứ, bỏ qua. Đến nay, ông đã lớn tuổi, các con ông đã trưởng thành, không khí gia đình luôn căng thẳng, ông không thể chịu đựng được nên ông yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung, ông và bà N có 03 người con chung, gồm có Phạm Thị T - sinh năm 1988, Phạm Trung T1 - sinh năm 1989 và Phạm Như N - sinh ngày 26/6/2000. Hai cháu T và T1 đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì. Riêng đối với cháu N chưa đủ 18 tuổi, khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu N cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ghen tuông nhưng bà không đồng ý ly hôn ông P vì bà còn thương yêu ông P.

Về con chung: Bà thống nhất các con chung như trình bày của nguyên đơn. Nếu ly hôn, bà đồng ý nuôi cháu Phạm Như N và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi như ông P trình bày.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ vào Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Hồng P, ông Phạm Hồng P được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Như N, ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Hồng P về việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/4/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng bà vẫn còn yêu thương ông P nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông P để vợ chồng, cha con và các cháu có thêm thời gian hàn gắn với ông P. Nguyên đơn ông Phạm Hồng P cho rằng ông không thể chịu đựng cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, ông không còn tình cảm với bà N và kiên quyết yêu cầu được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tình trạng hôn nhân giữa ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị N mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng P về việc ly hôn bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, đúng pháp luật; kháng cáo của bà Nguyễn Thị N không được chấp nhận.

[2] Các nội dung còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

[3] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị N không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 và khoản 6 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Phạm Hồng P được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi cháu Phạm Như N - sinh ngày 26/6/2000. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Hồng P về việc cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Ông Phạm Hồng P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà ông P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007535 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, ông P chỉ còn phải nộp 300.000đ án phí.

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008898 ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà N đã nộp đủ án phí.

Qui định chung:

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh N;
- Lưu: Tòa DS, VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền